

Bản án số: **39/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 8 - 2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP– TỈNH ĐỒNG NAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành.

Ông Lê Dũng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện TP tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Nam Cát Tiên, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Anh Đỗ Văn L**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Nam Cát Tiên, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số NH 1384, tổ 2, ấp 1, xã Phú An, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn thị Htrình bày:

Chị và anh Đỗ Văn L tự nguyện kết hôn với nhau, hai bên có kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình cha mẹ của anh L tại địa chỉ ấp 1, xã Phú An, huyện TP. Năm 2004 anh chị chuyển khẩu về xã Nam Cát Tiên, huyện TP và ở tại địa chỉ ấp 5 (ấp 9 cũ), xã Nam Cát Tiên cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh L thường bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống gia đình luôn bất hòa nên anh L đã bỏ về nhà cha mẹ

ruột ở tại địa chỉ ấp 1, xã Phú An, huyện TP từ đầu năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung với nhau chị và anh L ít qua lại, trao đổi, hòa giải để vợ chồng trở về sống đoàn tụ với nhau. Do thời gian số ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Chị H và anh L có 02 con chung là Đỗ Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/3/2006 và Đỗ Minh Nghĩa, sinh ngày 23/7/2003. Hiện nay cháu Hiền đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Nghĩa do anh L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hiền; anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nghĩa và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị H không kê khai mà tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung, chị H kê khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này đã được Tòa án niêm yết hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng:

- Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, đơn xin thể hiện nguyện vọng của con trên 07 tuổi, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và tình trạng cư trú của các đương sự.

- Triệu tập các đương sự đến Tòa án huyện TP để làm việc, ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ và thông báo mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự biết.

Anh Đỗ Văn L là bị đơn trong vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của anh L khi Tòa án thụ lý giải quyết đối với các nội dung trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị H.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh L.

- + Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/3/2006; giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Minh Nghĩa, sinh ngày 23/7/2003. Do các bên không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- + Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng

[1.1]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 03/5/2017 Chị Nguyễn Thị H viết đơn khởi kiện đối với anh Đỗ Văn L. Vì vậy, xác định chị H là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L và thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

- Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nam Cát Tiên, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị H:

[2.1]. Về yêu cầu ly hôn:

Hôn nhân giữa chị H và anh L hoàn toàn hợp pháp do tuân thủ đúng quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Phú An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 11 năm 2002. Trên cơ sở lời khai của các đương sự, trong quá trình tiến hành tố tụng và xác minh thực tế tại địa phương đã thể hiện: Chị H và anh L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy thực tế cuộc sống đã có nhiều lần va chạm xích mích nhau cho đến 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình luôn bất hòa, không có tiếng nói chung dẫn đến chị H và anh L sống ly thân từ 2010 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh L ít thông tin liên lạc với nhau để vợ chồng trở về sống đoàn tụ và cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị H không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh L vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh L, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ hay triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác.

Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh L không có hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt, chị H yêu cầu ly hôn với anh L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng con:

Chị H và anh L có 02 con chung là Đỗ Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/3/2006 và Đỗ Minh Nghĩa, sinh ngày 23/7/2003.

Kể từ năm 2009 khi anh L về sống chung cùng với cha mẹ ruột ở tại địa chỉ ấp 1, xã Phú An, huyện TP thì cháu Hiền do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nghĩa do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại nếp sống sinh hoạt của cháu Hiền, cháu Nghĩa đã đi vào ổn định, mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến yêu cầu của anh L về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy các cháu đều có sự chăm sóc của cha mẹ, có nơi cư trú rõ ràng khi chị H và anh L ly hôn không nhất thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, cần giữ nguyên môi trường sinh hoạt học tập hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm sinh lý cho các cháu.

Xét thấy chị H có nguyện vọng được nuôi tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hiền, anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nghĩa yêu cầu này của chị H là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H và anh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự.

Về tài sản chung, chị H không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, chị H trình bày không có nợ chung. Trong quá trình giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về yêu cầu này. Tại phiên tòa anh L vắng mặt vì vậy về phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị H chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.
 - Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn L.
 - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/3/2006; anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh Nghĩa, sinh ngày 23/7/2003. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
2. Về trách nhiệm dân sự: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 009132 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện TP được chuyển thành án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi Hành);
- UBND xã Phú An; huyện TP, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch; số 32, quyển số 03, ngày 05/11/2002);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hà Văn Phi